

Bản án số: 72/2025/DS-PT
Ngày: 11 – 4 – 2025
V/v Tranh chấp chia tài sản thuộc
sở hữu chung và chia thừa kế tài sản;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Nguyên

Ông Võ Công Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Bách là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 269/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2025/QĐXXPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phan Văn S, sinh năm : 1963; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, TP ., tỉnh Bình Định (có mặt).

- **Bị đơn:**

1/ Ông Phan Văn M, sinh năm: 1957; Địa chỉ: Tổ D, khu phố I, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1953; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, Bình Định (có mặt).

3/ Ông Phan Văn H, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, Bình Định (có mặt)

4/ Bà Phan Thị Thanh N, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, Bình Định (có mặt).

5/ Bà Phan Thị Ngọc B, sinh năm: 1954; Địa chỉ: Khu phố E, thôn T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định; Địa chỉ trụ sở: D L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thế B1 - Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Việt T - Phó giám đốc. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ Bà Quảng Thị L1, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt)

3/ Anh Phan Thanh N1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định . (vắng mặt)

4/ Chị Phan Thị S1, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

5/ Anh Phan Như Y1, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt)

6/ Anh Phan Công T1, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền cho anh N1, chị S1, anh Y1, anh T1: Ông Phan Văn S, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, TP ., tỉnh Bình Định - theo hợp đồng ủy quyền số: 001908, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/5/2021 tại văn phòng C2 (có mặt).

7/ Anh Phan Văn H1, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt)

8/ Chị Phan Thị Thanh T2, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt)

9/ Chị Phan Thị T3, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ C, khu phố A, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt)

10/ Chị Phan Thị D, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt)

11/ Chị Phan Thị M1, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, TP ., tỉnh Bình Định (có mặt)

12/ Anh Phan Quốc N2, sinh năm: 2002; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt)

13/ Anh Nguyễn Hoài L2, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt)

14/ Chị Phan Thị C, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt)

15/ Anh Nguyễn Văn M2, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt)

16/ Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

17/ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

18/ Anh Văn Đức H2, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

19/ Phan Thị Ngọc L3, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Tổ B, khu phố , phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

20/ Phạm Thị Ánh Q, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

21/ Nguyễn Hoàng Gia K, sinh năm: 2020; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

22/ Văn Đức D1, sinh năm: 2002; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

23/ Văn Đức Khánh D1, sinh năm: 2013; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

24/ Nguyễn Thị Hoài T5, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

25/ Phan Phúc T6, sinh năm: 2020; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

26/ Nguyễn Thị Xuân L4, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

27/ Phan Nữ Kim P, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

28/ Phan Thị Đ, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

29/ Phan Thị T7, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị L, bà Phan thị Thanh N, bà Phan Thị Ngọc B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Phan Văn S trình bày:*

Cha của ông là ông Phan Kim A (chết năm 1994) và mẹ là bà Lê Thị N3 (chết năm 2020), cha mẹ có tất cả 06 người con gồm: Phan Văn M; Phan Văn S; Phan Hữu L5 (chết 2013, có vợ là bà Nguyễn Thị L và 05 người con gồm: Phan Văn H1, Phan Thị Thanh T2, Phan Thị T3, Phan Thị M1 và Phan Thị D); Phan Văn H; Phan Thị Thanh N và Phan Thị Ngọc B. Trước khi cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Lúc cha mẹ còn sống có quản lý, sử dụng một diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đến năm 1999 hộ gia đình bà Lê Thị N3 được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 01823, ngày 28/7/1999, diện tích 14.569,1m² tờ bản đồ số 18, thửa số 02 (theo bản đồ năm 2020: Thửa đất số 10, thuộc mảnh bản đồ chỉnh lý địa chính số 03-2020, diện tích: 13.683,0m²). Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ bà Lê Thị N3 gồm có 09 nhân khẩu là: Lê Thị N3, Phan Văn S, Quảng Thị L1, Phan Thanh N1, Phan Thị S1, Phan Thị Nữ H3, Phan Như Ý, Phan Văn H và Phan Thị Kim L6.

Bà Phan Thị Kim L6 là cô ruột của ông, bà L6 chết năm 1997, không có chồng, không có con. Khi còn sống bà L6 sống chung với cha mẹ và vợ chồng ông.

Năm 2021 UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 “V/v phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản gắn liền với đất cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Khu đô thị M (CG-01), phường N, thành phố Q (đợt 2)”, kèm theo Quyết định là bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân, trong đó có hộ bà Lê Thị N3. Tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản hộ bà Lê Thị N3 bị thu hồi là 4.042,90m², số tiền được nhận là: 2.528.184.000đồng (hai tỷ, năm trăm hai mươi tám triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Tiếp đến, ngày 13/01/2022 UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 “V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện xây dựng dự án Khu đô thị M (CG-01), phường N, thành phố Q (đợt 5)”, kèm theo Quyết định là bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng, trong đó có hộ bà Lê Thị N3. Tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản hộ bà Lê Thị N3 bị thu hồi là 9.640,1m² (thu hồi hết). Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt là: 6.126.551.900đ (làm tròn số là: 6.126.552.000đồng).

Tổng số tiền (hai đợt), hộ bà Lê Thị N3 được bồi thường, hỗ trợ là: 8.654.736.000 đồng (2.528.184.000đồng + 6.126.552.000đồng), trong đó gồm các khoản cụ thể như sau:

- * Đợt 1, số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 2.528.184.000đồng, gồm:
 - Bồi thường về đất: $4.042,9\text{m}^2 \times 148.000\text{đ}/\text{m}^2 = 598.349.200\text{đồng}$.
 - Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: $4.042,9\text{m}^2 \times 444.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.795.047.600\text{đồng}$.

- Bồi thường vật kiến trúc gồm: Chòi giữ hồ và đất đắp bờ được bồi thường 100% là: 36.315.480đồng.
- Bồi thường cây cối, hoa màu được bồi thường 100% giá trị là: 64.200.000đồng.
 - Hỗ trợ ổn định đời sống: 1.224.000đ/người x 28 người = 34.272.000đồng.
 - * Đợt 2, Số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 6.126.552.000đồng, gồm:
 - Bồi thường về đất: $9.640,1\text{m}^2 \times 148.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.426.734.800\text{đồng}$.
 - Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: $9.640,1\text{m}^2 \times 444.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.280.204.460\text{đồng}$.
- Bồi thường vật kiến trúc gồm: Chòi giữ hồ và đất đắp bờ được bồi thường 100% là: 76.882.220đồng.
- Cây cối, hoa màu được bồi thường 100% giá trị là: 190.906.000đồng.
- Bồi thường vật nuôi thủy sản là: 58.836.900đồng.
 - Hỗ trợ ổn định đời sống: 3.321.000đ/người x 28 người = 92.988.000đồng.

Nay ông Phan Văn S yêu cầu được nhận theo nhân khẩu hộ gia đình ông gồm 06 nhân khẩu là: Phan Văn S, Quảng Thị L1, Phan Thanh N1, Phan Thị S1, Phan Thị Nữ H3, và Phan Như Ý. Trong đó Phan Thị Nữ H3 là con ruột của ông (sinh năm: 1989, chết năm 2011, không có chồng, con).

Ông S tự nguyện giao cho ông Phan Văn H các khoản theo nhân khẩu.

Ông S tự nguyện giao cho bà Nguyễn Thị L và các con của bà L, ông L5 các khoản gồm: Chòi giữ hồ (đợt 1) là: 7.688.000đồng; Chòi giữ hồ (đợt 2) là: 4.260.000đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống (đợt 1) là: 18.360.000đồng ($1.224.000\text{đ}/\text{khẩu} \times 15 \text{ khẩu}$); Hỗ trợ ổn định đời sống (đợt 2) là: 49.815.000đồng ($3.321.000\text{đ}/\text{khẩu} \times 15 \text{ khẩu}$) (15 khẩu gồm: Nguyễn Thị L, Phan Văn H1, Phạm Thị Ánh Q, Phan Quốc N2, Phan Thị Ngọc L3, Nguyễn Hoài L2, Nguyễn Hoàng Gia K, Phan Thị Thanh T2, Nguyễn Văn M2, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Văn V, Nguyễn Đức H4, Phan Thị M1, Văn Đức D1 và Văn Đức Khánh D1).

Tổng số tiền là: 80.123.000đồng (7.688.000đồng + 4.260.000đồng + 18.360.000đồng + 49.815.000đồng).

Ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần của mẹ ông là bà Lê Thị N3 và cô ruột là bà Phan Thị Kim L6 (vì bà L6 chết không có chồng, con), yêu cầu chia đều cho 6 người gồm: Phan Văn M, Phan Văn S, Phan Văn H, Phan Thị Thanh N, Phan Thị Ngọc B và Phan Hữu L5 (ông L5 chết, có vợ là Nguyễn Thị L và 05 người con) và yêu cầu chia thừa kế phần của con gái ông là Phan Thị Nữ H3.

- *Bị đơn ông Phan Văn M trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình về cha, mẹ, cô ruột và các anh chị em ruột như lời ông S đã trình bày là đúng

Ông thống nhất năm 1999 hộ gia đình bà Lê Thị N3 được nhà nước giao quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 01823, ngày 28/7/1999, nhưng giấy chứng nhận QSDĐ bị thất lạc nên ngày 29/7/2016 bà

Lê Thị N3 được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS02130, hiện nay ông đang cất giữ. Nay toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản hộ bà Lê Thị N3 bị thu hồi để thực hiện dự án khu đô thị M (CG-01), phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị N3 (đợt 1 và đợt 2) là: 8.654.736.000đồng (tám tỷ, sáu trăm năm mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Nay ông yêu cầu chia thừa kế số tiền 8.654.736.000đồng của hộ bà Lê Thị N3 thành 6 phần cho 6 người con của bà N3 gồm: Phan Văn M, Phan Thị Ngọc B, Phan Thị Thanh N, Phan Văn H, Phan Văn S và Phan Hữu L5 (ông L5 chết có vợ là bà Nguyễn Thị L và các con), mỗi người được nhận số tiền là: 1.442.456.000đồng (8.654.736.000đồng : 6).

Ông không đồng ý cách chia của ông Phan Văn S là chia theo hộ gia đình. Vì nguồn gốc đất nuôi trồng thủy sản là của ông bà nội để lại cho cha mẹ ông và cha mẹ ông để lại cho anh chị em chúng ông. Trước khi cha mẹ ông chết không để lại di chúc.

- *Bị đơn bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị Ngọc B, ông Phan Văn H thống nhất trình bày:* Các ông bà hoàn toàn thống nhất như lời trình bày của ông Phan Văn M, các ông bà không bổ sung gì thêm.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà là vợ của ông Phan Hữu L5 (ông L5 chết năm 2013, bà và ông L5 có 05 người con gồm: Phan Văn H1, Phan Thị Thanh T2, Phan Thị T3, Phan Thị M1 và Phan Thị D. Bà thống nhất như lời trình bày của ông Phan Văn M, yêu cầu chia số tiền bồi thường, hỗ trợ đất nuôi trồng thủy sản bị thu hồi của hộ bà Lê Thị N3 (đợt 1 và đợt 2) là: 8.654.736.000đồng, chia đều cho 6 người con là: Phan Văn M, Phan Thị Ngọc B, Phan Thị Thanh N, Phan Văn H, Phan Văn S và Phan Hữu L5 (ông L5 là chồng của bà), mỗi người được nhận số tiền là: 1.442.456.000đồng. Bà không đồng ý cách chia của ông Phan Văn S là chia theo hộ gia đình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định trình bày: Toàn bộ thửa đất số 10 thuộc mảnh bản đồ chỉnh lý địa chính số 03-2020, diện tích 13.683,0m² loại đất nuôi trồng thủy sản của hộ bà N3 Trung tâm phát triển Quỹ đất đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và thu hồi hết thửa đất để thực hiện dự án. Số tiền đền bù hỗ trợ đợt 1 cho 4.042,9m² là 2.528.184.000 đồng; Số tiền đền bù hỗ trợ đợt 2 cho 9.640,1m² là 6.126.552.000 đồng. Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị N3 là: 8.654.736.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Quản Thị L7 trình bày: Bà là vợ của ông Phan Văn S, bà hoàn toàn thống nhất như lời trình bày của ông Phan Văn S, không bổ sung gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh N1, chị Phan Thị S1, anh Phan Như Ý, anh Phan Công T1 do ông Phan Văn S đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày: Thống nhất lời khai của nguyên đơn ông Phan Văn S.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn H1, chị Phan Thị Thanh T2; Phan Thị T3; Phan Thị D; Phan Thị M1 thống nhất trình bày:* Các anh chị là con ông Phan Hữu L5 (chết 2013) và mẹ là bà Nguyễn Thị L nên thống nhất lời khai của bà L

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân L4 trình bày tại bản khai ngày 21/9/2022:* Bà là vợ ông Phan Văn H, là con dâu của bà Lê Thị N3, hộ bà N3 bị nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản, nhà nước có hỗ trợ ổn định đời sống cho 28 nhân khẩu trong đó có bà, bà yêu cầu được nhận tiền hỗ trợ theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị T7, Phan Thị Đ và Phan Thị Kim P1 đồng trình bày tại bản khai ngày 21/9/2022:* Các chị là con của ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị Xuân L4, là cháu nội của bà N3. Hộ bà Lê Thị N3 bị nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản, nhà nước có hỗ trợ ổn định đời sống cho 28 nhân khẩu trong đó có chị em chúng tôi, do đó chị em chúng tôi yêu cầu được nhận tiền hỗ trợ theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoài T5 trình bày tại bản khai ngày 22/9/2022:* Chị là con dâu của ông Phan Văn S và bà Quảng Thị L1, là cháu nội dâu của bà N3. Hộ bà Lê Thị N3 bị nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản, nhà nước có hỗ trợ ổn định đời sống cho 28 nhân khẩu trong đó có chị, do đó chị yêu cầu được nhận tiền hỗ trợ theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Ánh Q trình bày tại bản khai ngày 22/9/2022:* Chị là con dâu của ông Phan Hữu L5 và bà Nguyễn Thị L, là cháu nội dâu của bà N3. Hộ bà Lê Thị N3 bị nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản, nhà nước có hỗ trợ ổn định đời sống cho 28 nhân khẩu trong đó có chị, do đó chị yêu cầu được nhận tiền hỗ trợ theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Ngọc L3 trình bày tại bản khai ngày 22/9/2022:* Chị là con của ông Phan Văn H1 và bà Phạm Thị Ánh Q, là cháu nội của ông Phan Hữu L5 và bà Nguyễn Thị L, là cháu của bà N3. Hộ bà Lê Thị N3 bị nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản, nhà nước có hỗ trợ ổn định đời sống cho 28 nhân khẩu trong đó có chị, do đó chị yêu cầu được nhận tiền hỗ trợ theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 269/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S về chia tiền bồi thường, hỗ trợ do đất bị thu hồi, giải tỏa, chia theo hộ gia đình.

2- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S về việc chia thừa kế kỷ phần của cụ Lê Thị N3 và bà Phan Thị Kim L6; Chia thừa kế của chị Phan Thị Nữ H3 và ông Phan Hữu L5.

3- Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Thị N3 là số tiền: 225.009.332 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu, không trăm lẻ chín nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng).

3.1. Xác định hàng thừa kế của cụ Lê Thị N3 gồm:

- Ông Phan Văn M;
- Ông Phan Văn S;
- Ông Phan Văn H;
- Bà Phan Thị Thanh N;
- Bà Phan Thị Ngọc B.
- Ông Phan Hữu L5 (chết); hàng thừa kế thế vị của ông L5 gồm:

- + Anh Phan Văn H1;
- + Chị Phan Thị Thanh T2;
- + Chị Phan Thị T3;
- + Chị Phan Thị D;
- + Chị Phan Thị M1.

4- Xác định di sản thừa kế của bà Phan Thị Kim L6 là số tiền: 225.009.332 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu, không trăm lẻ chín nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng).

4.1. Xác định hàng thừa kế của bà Phan Thị Kim L6 gồm:

- Ông Phan Văn M;
 - Ông Phan Văn S;
 - Ông Phan Văn H;
 - Bà Phan Thị Thanh N;
 - Bà Phan Thị Ngọc B;
 - Ông Phan Hữu L5 (chết); hàng thừa kế của ông L5 gồm:
- + Bà Nguyễn Thị L;
 - + Anh Phan Văn H1;
 - + Chị Phan Thị Thanh T2;
 - + Chị Phan Thị T3;
 - + Chị Phan Thị D;
 - + Chị Phan Thị M1.

4.2 Công nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn S từ chối nhận di sản thừa kế của bà Phan Thị Kim L6.

5- Xác định di sản thừa kế của chị Phan Thị Nữ H3 là số tiền: 225.009.332 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu, không trăm lẻ chín nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng).

5.1. Xác định hàng thừa kế của chị Phan Thị Nữ H3 gồm:

- Ông Phan Văn S và bà Quảng Thị L1.

6- Xác định tổng số tiền cụ thể mỗi người được nhận sau khi chia thừa kế và chia theo hộ gia đình như sau:

- Ông Phan Văn S được nhận tổng số tiền là: 1.461.301.000 (một tỷ, bốn trăm sáu mươi một triệu, ba trăm lẻ một nghìn) đồng.

- Bà Quảng Thị L1 được nhận tổng số tiền là: 1.423.800.000 (một tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, tám trăm nghìn) đồng.

- Ông Phan Văn H được nhận tổng số tiền là: 1.393.798.000 (một tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

- Anh Phan Thanh N1 được nhận tổng số tiền là: 1.311.295.000 (một tỷ, ba trăm mười một triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

- Anh Phan Như Ý được nhận tổng số tiền là: 1.311.295.000 (một tỷ, ba trăm mười một triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

- Chị Phan Thị S1 được nhận tổng số tiền là: 1.306.750.000 đồng (một tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Ông Phan Văn M được nhận tổng số tiền là: 82.503.000 (T8 mươi hai triệu, năm trăm lẻ ba nghìn) đồng.

- Bà Phan Thị Thanh N được nhận tổng số tiền là: 82.503.000 (T8 mươi hai triệu, năm trăm lẻ ba nghìn) đồng.

- Bà Phan Thị Ngọc B được nhận tổng số tiền là: 82.503.000 (T8 mươi hai triệu, năm trăm lẻ ba nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị L được nhận số tiền là: 23.993.000 (hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn) đồng.

- Anh Phan Văn H1 được nhận số tiền là: 19.545.000 (mười chín triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

- Chị Phan Thị Thanh T2 được nhận số tiền là: 19.545.000 (mười chín triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

- Chị Phan Thị M1 được nhận số tiền là: 19.545.000 (mười chín triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

- Chị Phan Thị T3 được nhận tổng số tiền là: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;

- Chị Phan Thị D được nhận tổng số tiền là: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;

7. Xác định danh sách và số tiền cụ thể những người được nhận tiền hỗ trợ ổn định đời sống (02) đợt như sau:

+ Anh Phan Quốc N2 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Anh Nguyễn Hoài L2 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Anh Nguyễn Văn M2 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị T4 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Anh Nguyễn Văn V được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Anh Văn Đức H2 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Phan Thị Ngọc L3 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Phạm Thị Ánh Q được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Cháu Nguyễn Hoàng Gia K được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Anh Văn Đức D1 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Cháu Văn Đức Khánh D1 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị Hoài T5 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Cháu Phan Phúc T6 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Anh Phan Công T1 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị Xuân L4 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Phan Nữ Kim P được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Phan Thị Đ được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Phan Thị T7 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Phan Thị C được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

* Ngày 03/10/2024 các đồng bị đơn ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị Ngọc B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S và chia đều số tiền bồi thường, hỗ trợ 8.654.731.900 đồng theo quy định pháp cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị N3 gồm: Phan Văn M; Phan Văn S; Phan Hữu L5 (chết 2013, có vợ là bà Nguyễn Thị L và 05 người con gồm: Phan Văn H1, Phan Thị Thanh T2,

Phan Thị T3, Phan Thị M1 và Phan Thị D); Phan Văn H; Phan Thị Thanh N và Phan Thị Ngọc B.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của của các bị đơn ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị Ngọc B cho rằng đất nông nghiệp cấp một mình cho cụ N3 và thuộc di sản của cụ N3 để lại là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa vắng mặt những đương sự không có kháng cáo gồm: Phan Quốc N2, Nguyễn Hoài L2, Phan Thị C, Nguyễn Văn M2, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Văn C1, Văn Đức H2, Phan Thị Ngọc L3, Phạm Thị Ánh Q, Nguyễn Hoàng Gia K, Văn Đức D1, Văn Đức Khánh D1, Phan Phúc T6, Phan Thị Đ, Phan Thị T7. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị Ngọc B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Theo bản đồ năm 1998 thì thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18, diện tích 14.569,1m² đất nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc là của cha mẹ của các đương sự là cụ Phan Kim A và cụ Lê Thị N3 cùng quản lý sử dụng. Cụ Phan Kim A chết năm 1994. Năm 1999 thì hộ gia đình cụ N3 được cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01823QSDĐ/783QĐ-UB ngày 28/7/1999 cho hộ cụ Lê Thị N3, đến năm 2016 được Sở T9 cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 02130 ngày 29/7/2016 cho hộ cụ Lê Thị N3 với diện tích 14.569,1m² đất nuôi trồng thủy sản (BL 160). Căn cứ theo công văn số 137/UBND-ĐC ngày 02/6/2021 và Công văn số 281/UBND-ĐC ngày 22/10/2021 của UBND phường N, thành phố Q trả lời cho Tòa án cấp sơ thẩm xác định tại thời điểm giao quyền hộ bà Lê Thị N3 gồm có 09 nhân khẩu được cân đối giao quyền sử dụng đất gồm: “1. Lê Thị N3, 1925 (mẹ); 2. Phan Thanh N1, 1983 (cháu); 3. Phan Thị Kim L6, 1913 (chị); 4. Phan Văn S, 1963 (con); 5. Phan Thị S1, 1986 (cháu); 6. Quảng Thị L1, 1965 (dâu); 7. Phan Thị Mỹ H5, 1989 (cháu); 8. Phan Như Ý, 1992 (cháu); 9. Phan Văn H, 1965 (con) (BL 144). Do đó HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định chỉ có 09 nhân khẩu được cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ gồm: Cụ Lê Thị N3, ông Phan Văn S, ông Phan Văn H, bà Quảng Thị

L1, anh Phan Thanh N1, chị Phan Thị S1, chị Phan Thị Mỹ H5, anh Phan Như Ý và bà Phan Thị Kim L6 nên mỗi người được sở hữu 1/9 thửa đất.

Thực tế theo bản đồ đo đạc phục vụ dự án thu hồi đất năm 2020 thì thửa đất số 02 chính lý thành thửa đất số 10, thuộc mảnh bản đồ chính lý địa chính số 03-2020 có diện tích 13.683m² nuôi trồng thủy sản. Theo Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 thì diện tích đất nuôi trồng thủy sản hộ bà Lê Thị N3 bị thu hồi là 4.042,90m², số tiền được nhận là: 2.528.184.000 đồng. Và Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 thì diện tích đất nuôi trồng thủy sản hộ bà Lê Thị N3 bị thu hồi là 9.640,1m² (thu hồi hết). Như vậy, tổng số tiền (hai đợt), hộ bà Lê Thị N3 được bồi thường, hỗ trợ là: 8.654.736.000 đồng (2.528.184.000 đồng + 6.126.552.000 đồng) trong đó bao gồm: Bồi thường về đất 2.025.084.000đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm 6.075.252.060đồng; Bồi thường vật kiến trúc 113.197.700đồng; Bồi thường cây cối, hoa màu 255.106.000đồng; Bồi thường vật nuôi là thủy sản 58.836.900đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống (hỗ trợ gạo) 127.260.000đồng.

Vì cụ N3 chết năm 2020 nên cấp sơ thẩm chỉ chia thừa kế phần của cụ N3 để lại là 1/9 giá trị bồi thường đất cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ N3 và phần còn lại thuộc sở hữu của các thành viên khác trong hộ gia đình được cân đối giao quyền sử dụng đất là có cơ sở. Do đó, các bị đơn ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị Ngọc B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chia đều số tiền giá trị bồi thường, hỗ trợ 8.654.731.900đồng theo quy định pháp cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị N3 gồm: ông Phan Văn M; ông Phan Văn S; ông Phan Hữu L5 (chết 2013, có vợ là bà Nguyễn Thị L và 05 người con gồm: Phan Văn H1, Phan Thị Thanh T2, Phan Thị T3, Phan Thị M1 và Phan Thị D); ông Phan Văn H; bà Phan Thị Thanh N và bà Phan Thị Ngọc B là không có cơ sở.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật nên HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị Ngọc B. Do đó, HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Q là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị Ngọc B là người cao tuổi được miễn nộp.

Bà Phan Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000637 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Q (đã nộp xong)

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự

giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân thành phố Q, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị Ngọc B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 269/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S về việc chia thừa kế và chia tài sản chung theo hộ gia đình là khoản tiền bồi thường, hỗ trợ do đất bị thu hồi, giải tỏa.

3. Xác định tổng số tiền cụ thể mỗi người được nhận sau khi chia thừa kế và chia tài sản chung theo hộ gia đình như sau:

- Ông Phan Văn S được nhận tổng số tiền là: 1.461.301.000 (*một tỷ, bốn trăm sáu mươi một triệu, ba trăm lẻ một nghìn*) đồng.

- Bà Quảng Thị L1 được nhận tổng số tiền là: 1.423.800.000 (*một tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, tám trăm nghìn*) đồng.

- Ông Phan Văn H được nhận tổng số tiền là: 1.393.798.000 (*một tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn*) đồng.

- Anh Phan Thanh N1 được nhận tổng số tiền là: 1.311.295.000 (*một tỷ, ba trăm mười một triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng.

- Anh Phan Như Ý được nhận tổng số tiền là: 1.311.295.000 (*một tỷ, ba trăm mười một triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng.

- Chị Phan Thị S1 được nhận tổng số tiền là: 1.306.750.000 đồng (*một tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng.

- Ông Phan Văn M được nhận tổng số tiền là: 82.503.000 (*T8 mươi hai triệu, năm trăm lẻ ba nghìn*) đồng.

- Bà Phan Thị Thanh N được nhận tổng số tiền là: 82.503.000 (*T8 mươi hai triệu, năm trăm lẻ ba nghìn*) đồng.

- Bà Phan Thị Ngọc B được nhận tổng số tiền là: 82.503.000 (*T8 mươi hai triệu, năm trăm lẻ ba nghìn*) đồng.

- Bà Nguyễn Thị L được nhận số tiền là: 23.993.000 (*hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn*) đồng.

- Anh Phan Văn H1 được nhận số tiền là: 19.545.000 (*mười chín triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;

- Chị Phan Thị Thanh T2 được nhận số tiền là: 19.545.000 (*mười chín triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Chị Phan Thị M1 được nhận số tiền là: 19.545.000 (*mười chín triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Chị Phan Thị T3 được nhận tổng số tiền là: 15.000.000 (*mười lăm triệu*) đồng;
- Chị Phan Thị D được nhận tổng số tiền là: 15.000.000 (*mười lăm triệu*) đồng.

4. Xác định danh sách và số tiền cụ thể những người được nhận tiền hỗ trợ ổn định đời sống (02) đợt như sau:

- Anh Phan Quốc N2 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Anh Nguyễn Hoài L2 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Anh Nguyễn Văn M2 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Chị Nguyễn Thị T4 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Anh Nguyễn Văn V được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Anh Văn Đức H2 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Chị Phan Thị Ngọc L3 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Chị Phạm Thị Ánh Q được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Cháu Nguyễn Hoàng Gia K được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Anh Văn Đức D1 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Cháu Văn Đức Khánh D1 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Chị Nguyễn Thị Hoài T5 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Cháu Phan Phúc T6 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Anh Phan Công T1 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Chị Nguyễn Thị Xuân L4 được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Chị Phan Nữ Kim P được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;
- Chị Phan Thị Đ được nhận số tiền là: 4.545.000 (*bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng;

- Chị Phan Thị T7 được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

- Chị Phan Thị C được nhận số tiền là: 4.545.000 (bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

5. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị Ngọc B được miễn nộp.

Bà Phan Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000637 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Q (đã nộp xong).

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

7.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng

